TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 8 năm 2020
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Đinh Thị Thu Huyền
Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Nguyễn Quang Hiển
2, Ông Phan Duy Hưng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2020/ TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc: "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 72/2020/TB - TA ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Thanh B - sinh năm 1992
Địa chỉ: Khu 9, xã L, huyện T, tỉnh P(có mặt).
- ***Bị đơn*****:** Anh Lê Hồng S - sinh năm 1991
Địa chỉ: Khu 5, xã L, huyện T, tỉnh P(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trongđơn khởi kiện ngày 29/5/2020 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Hồng S ngày 26/02/2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H(nay là xã L), huyện T, tỉnh P. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Tháng 8/2018 mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị B xác nhận chị và anh S có 01 con chung là Lê Gia B, sinh ngày 30/8/2018 hiện nay đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, cho vay, công sức: Chị B xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Bị đơn anh Lê Hồng S, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa án làm việc, ngày 06/7/2020 Tòa án cùng Đại diện chính quyền địa phương và Trưởng khu hành chính số 5, xã Lđến nhà anh S để làm việc, quá trình làm việc anh S đã trình bày quan điểm: Anh S xác nhận anh và chị B có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26/02/2018 tại UBND xã H(nay là xã L), huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu 5, xã H(nay là khu 5, xã L). Đến tháng 8/2018 thì chị B bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Khi chị B làm đơn xin ly hôn anh cũng biết và cũng đã nhận được các giấy báo của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án làm việc vì anh không muốn ly hôn, anh đã có nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay chị B xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị B.

Về con chung: anh S xác nhận anh và chị B có 01 con chung là Lê Gia B, sinh ngày 30/8/2018 hiện nay đang ở cùng chị B. Khi ly hôn anh nhất trí giao con chung cho chị B được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng anh đề nghị giải quyết theo ý kiến của chị B.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, cho vay, công sức: anh S không có ý kiến gì và nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo ý kiến của chị B.

3, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 06/7/2020 thấy rằng anh Sơn có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã L, huyện T, tỉnh P. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2018 tại UBND xã H(nay là xã L). Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại gia đình nhà anh S. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do anh S không chỉn chu làm ăn, mải chơi bời nên chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 8/2018. Nay chị B xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị B.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh B được ly hôn anh Lê Hồng S.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Lê Gia B, sinh ngày 30/8/2018 cho chị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị B tự nguyện không yêu cầu. Anh S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: chị B, anh S không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: chị B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã L, huyện T, tỉnh P. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lê Hồng S: Toà án đã gửi và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa nhưng anh S đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, □iều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị B và anh S là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã H(nay là xã L), huyện T, tỉnh Pcho đăng ký kết hôn ngày 26/02/2018. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Bvà anh S được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị Bcho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Tháng 8/2018 mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh S. Phía anh S cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 8/2018 thì chị B bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Anh không muốn ly hôn, anh đã có nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay chị B xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị B. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh S đến Tòa án để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của anh chị, mặc dù anh đã nhận được các giấy báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc. Như vậy thể hiện việc anh S không muốn ly hôn là không thực tâm, khả năng đoàn tụ là khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài chỉ gây nên đau khổ cho cả hai bên, anh chị chung sống không đem lại hạnh phúc và tình yêu thương không có. Ngày 06/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tiến hành xác minh tại UBND xã Lvề quan hệ hôn nhân của chị B và anh S được đại diện chính quyền địa phương cung cấp quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do anh S không chỉn chu làm ăn, mải chơi bời nên chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 8/2018. Vì vậy chị B xin ly hôn anh S cần xử cho chị B được ly hôn anh S là phù hợp với □iều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh S xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Gia B, sinh ngày 30/8/2018 hiện nay đang ở cùng chị B. Khi ly hôn chị Bình xin được nuôi cháu B, không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh S đồng ý theo ý kiến của chị B. Xét yêu cầu của anh, chị về việc thỏa thuận giao con chung và thoả thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị B và anh S xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị B phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐINH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5, điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1, Xử: Cho chị Nguyễn Thị Thanh B được ly hôn anh Lê Hồng S.

2, Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Lê Gia B, sinh ngày 30/8/2018 cho chị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị B tự nguyện không yêu cầu. Anh S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3, Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị B và anh S xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4, Về án phí: chị Nguyễn Thị Thanh B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002615 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã L.
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền